

Bản án số: 02/2019/ HNGĐ-ST

Ngày: 22-01-2019

V/v Ly hôn, tranh chấp về

nuôi con và cấp dưỡng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Hai;

Ông Tô Hoàng Vũ.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trung Vinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 22 tháng 01 năm 2019, tại Hội trường xét xử, Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 323/2018/TLST-HNGĐ, ngày 03/12/2018, Về việc “Tranh chấp về hôn nhân gia đình ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/01/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm: 1996. *Địa chỉ:* 1031, ấp T L, xã T T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Nguyễn Văn T, sinh năm: 1992. *Địa chỉ:* 369, ấp T T, xã H T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

(Tất cả các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/10/2018; Biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc L trình bày: Vào năm 2014 Nguyễn Thị Ngọc L và Nguyễn Văn T tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình sống chung có nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cự cãi, vợ chồng ly T khoảng 02 năm nay. Do đó, Nguyễn Thị Ngọc L yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Về con chung: vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Thị Tuyết H, sinh ngày: 19/10/2014 chị Nguyễn Thị Ngọc L yêu cầu được nuôi con và yêu cầu Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng ½ tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định (thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2019 cho đến

khi Nguyễn Thị Tuyết H, sinh ngày: 19/10/2014 đủ 18 tuổi). Về tài sản chung chị L không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Văn T trình bày: Theo lời trình bày của Nguyễn Thị Ngọc L là đúng, năm 2014 tôi và Nguyễn Thị Ngọc L có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình sống chung có mâu thuẫn đúng như chị L trình bày, nay tôi đồng ý ly hôn với chị L. Về con chung Nguyễn Văn T đồng ý giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc L tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thị Tuyết H sinh ngày 19/10/2014 và anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định (thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2019 cho đến khi Nguyễn Thị Tuyết H, sinh ngày: 19/10/2014 đủ 18 tuổi). Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Xét thấy, việc tranh chấp về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con giữa chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Nguyễn Văn T theo quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Nguyễn Thị Ngọc L và Nguyễn Văn T sống chung như vợ chồng từ năm 2014 nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm vào Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Do Nguyễn Thị Ngọc L và Nguyễn Văn T không đăng ký kết hôn nên căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Nguyễn Thị Ngọc L và Nguyễn Văn T là có căn cứ.

Tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình có ghi:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.”

Tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình có ghi:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”

Đối chiếu khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình có ghi:

“2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này....”.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Tuyết H sinh ngày 19/10/2014 hiện nay chị L là người đang trực tiếp nuôi cháu H, chị L có yêu cầu được nuôi con, yêu cầu này của anh T đồng ý. Ngoài ra chị Nguyễn Thị Ngọc L có đủ điều kiện trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục tốt cho con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con của Nguyễn Thị Ngọc L là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng: Nguyễn Thị Ngọc L yêu cầu Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở do Nhà nước qui định (thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2019) yêu cầu này Nguyễn Văn T đồng ý, sự thỏa thuận này là phù hợp với Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

Về tài sản chung: Nguyễn Thị Ngọc L và Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Nguyễn Thị Ngọc L và Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận Nguyễn Thị Ngọc L và Nguyễn Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung và cấp dưỡng: Nguyễn Thị Ngọc L được quyền tiếp tục nuôi con là Nguyễn Thị Tuyết H, sinh ngày: 19/10/2014; Nguyễn Văn T phải có

nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở do Nhà nước qui định, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2019 cho đến khi Nguyễn Thị Tuyết H, sinh ngày: 19/10/2014 đủ 18 tuổi.

Nguyễn Thị Ngọc L cùng các thành viên gia đình không được cản trở Nguyễn Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm: Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà Nguyễn Thị Ngọc L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0002507, ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Nguyễn Thị Ngọc L đã nộp xong).

Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). (Nguyễn Văn T chưa nộp)

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/01/2019).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh DT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Đã ký

Nguyễn Thị Cẩm Nhung